

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*  
*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	<b>6 - 31</b>
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 31



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 284.502.360.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.

203  
HINH  
NGT  
H VU  
HINH  
KIEN  
IAM  
AY

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2013
Bà Lâm Thị Hiền	Phụ trách phòng TCKT.	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2013

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

**TMT, Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

Số : 60./2014/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>266.583.400.633</b>	<b>320.252.559.484</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>21.627.433.510</b>	<b>10.700.257.934</b>
1.	Tiền	111		5.627.433.510	10.697.692.016
2.	Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	2.565.918
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>14.545.497.000</b>	<b>1.325.093.273</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		14.545.497.000	1.325.093.273
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.188.750.516</b>	<b>94.102.737.442</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		13.915.849.337	71.936.884.626
2.	Trả trước cho người bán	132		1.813.898.307	1.461.073.224
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.816.825.496	21.091.771.613
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(357.822.624)	(386.992.021)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>203.547.182.694</b>	<b>198.041.559.362</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	203.547.182.694	198.041.559.362
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.674.536.913</b>	<b>16.082.911.473</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		732.574.416	732.917.904
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		115.315.067	2.368.899.084
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	2.849.213.818	4.665.514.453
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	4.977.433.612	8.315.580.032

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>225.975.696.864</b>	<b>266.245.497.083</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>176.322.588.619</b>	<b>246.233.100.043</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	30.936.141.775	35.952.398.361
	- Nguyên giá	222		120.294.176.343	121.612.398.899
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(89.358.034.568)	(85.660.000.538)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	27.339.750	16.170.729.203
	- Nguyên giá	228		88.939.000	19.529.195.399
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(61.599.250)	(3.358.466.196)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	145.359.107.094	194.109.972.479
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.623.123.776</b>	<b>17.397.760.200</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.10	32.622.842.976	16.249.995.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.073.530	3.086.540.143
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.12	(792.730)	(1.938.774.943)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.029.984.469</b>	<b>2.614.636.840</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	17.029.984.469	2.614.636.840
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>492.559.097.497</b>	<b>586.498.056.567</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>174.492.666.670</b>	<b>272.498.702.484</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>165.497.266.670</b>	<b>263.070.666.334</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	83.436.734.974	208.298.415.855
2.	Phải trả người bán	312		60.843.087.076	35.371.356.579
3.	Người mua trả tiền trước	313		9.098.943.915	4.608.931.101
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.370.490.691	7.946.364.145
5.	Phải trả người lao động	315		1.120.838.784	802.218.279
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	2.417.029.392	870.835.063
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	6.202.609.824	5.165.013.298
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.532.014	7.532.014
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.995.400.000</b>	<b>9.428.036.150</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.18	7.610.400.000	7.650.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	1.385.000.000	1.385.000.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.20	0	393.036.150
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>318.066.430.827</b>	<b>313.999.354.083</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>318.066.430.827</b>	<b>313.999.354.083</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		284.502.360.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		24.249.537.500	24.249.537.500
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		616.798.435	616.798.435
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		0	0
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.895.498.152	12.828.421.408
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>492.559.097.497</b>	<b>586.498.056.567</b>

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.169.734.400	11.169.734.400
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		677,80	0
	EURO		84,51	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		526.810.033.847	582.355.813.725
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(398.089.305.120)	(419.739.313.083)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.944.514.284)	(28.655.542.191)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(14.693.839.152)	(8.827.471.791)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		0	0
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.629.344.323	23.723.388.939
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.979.070.993)	(152.530.901.686)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>96.732.648.621</b>	<b>(3.674.026.087)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.834.061.858)	(19.928.253.241)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		58.464.317.000	0
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.103.122.000)	(12.200.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.382.718.273	2.700.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.372.847.976)	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.395.201.000	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.123.672.254	2.753.167.112
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>39.055.876.693</b>	<b>(26.675.086.129)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

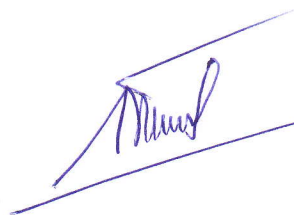
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		383.311.846.309	381.665.300.294
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(508.173.527.190)	(345.772.073.857)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(124.861.680.881)</b>	<b>35.893.226.437</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>10.926.844.433</b>	<b>5.544.114.221</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.700.257.934</b>	<b>5.156.119.861</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		331.143	23.852
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>21.627.433.510</b>	<b>10.700.257.934</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Năm 2013**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

620  
ANH  
TNH  
U VÀ  
Ế TO  
TOÁN  
IỆT  
TP Y

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính kỳ kế toán.

**02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.



**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	72.192.799	273.287.775
- Tiền gửi ngân hàng	5.555.240.711	9.887.654.241
- Tiền đang chuyển	0	536.750.000
- Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	2.565.918
<b>Cộng</b>	<b>21.627.433.510</b>	<b>10.700.257.934</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Đầu tư ngắn hạn</b>		
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	14.545.497.000	1.325.093.273
<b>b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	0	0
<b>Cộng</b>	<b>14.545.497.000</b>	<b>1.325.093.273</b>

(\*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	0	0
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0
- Phải thu của người lao động	0	0
- Phải thu khác	2.816.825.496	21.091.771.613
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay	702.124.304	1.231.357.757
+ Cán bộ công nhân viên vay	0	9.500.000.000
+ Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	217.069.493	8.217.069.493
+ Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	500.000.000
+ Phải thu khác	1.397.631.699	1.643.344.363
<b>Cộng</b>	<b>2.816.825.496</b>	<b>21.091.771.613</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi đường	8.545.000	319.907.297
- Nguyên liệu, vật liệu	30.545.473.373	49.661.301.175
- Công cụ, dụng cụ	14.500.000	19.949.091
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.378.741.297	37.290.810.348
- Thành phẩm	22.294.420.205	37.031.343.735
- Hàng hoá	7.564.288.574	16.708.922.841
- Hàng gửi đi bán	98.741.214.245	57.009.324.875
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>203.547.182.694</b>	<b>198.041.559.362</b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	28.720.099	626.335.387
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	63.796.664	0
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	1.957.473.858	2.059.859.877
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	747.768.013	1.860.776.353
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	0	118.542.836
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	51.455.184	0
<b>Cộng</b>	<b>2.849.213.818</b>	<b>4.665.514.453</b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	488.086.286	488.086.286
- Tạm ứng	4.107.244.067	4.161.465.383
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	382.103.259	3.666.028.363
<b>Cộng</b>	<b>4.977.433.612</b>	<b>8.315.580.032</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>70.403.221.848</b>	<b>33.281.353.431</b>	<b>11.982.221.027</b>	<b>1.867.706.865</b>	<b>4.077.895.728</b>	<b>121.612.398.899</b>
- Mua trong năm	0	0	0	0	0	0
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Phân loại lại	0	19.163.595	1	(19.163.596)	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	(160.963.647)	(477.279.880)	0	(650.264.029)	(29.715.000)	(1.318.222.556)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.242.258.201</b>	<b>32.823.237.146</b>	<b>11.982.221.028</b>	<b>1.198.279.240</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>120.294.176.343</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36.773.186.774</b>	<b>32.021.826.104</b>	<b>10.981.643.646</b>	<b>1.805.448.554</b>	<b>4.077.895.460</b>	<b>85.660.000.538</b>
- Khấu hao trong năm	3.348.288.954	642.857.314	880.583.402	9.680.292	0	4.881.409.962
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Phân loại lại	(267)	(31.970.640)	(2)	31.970.641	268	0
- Giảm khác	(160.963.647)	(342.859.576)	0	(649.837.709)	(29.715.000)	(1.183.375.932)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.960.511.814</b>	<b>32.289.853.202</b>	<b>11.862.227.046</b>	<b>1.197.261.778</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>89.358.034.568</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>33.630.035.074</b>	<b>1.259.527.327</b>	<b>1.000.577.381</b>	<b>62.258.311</b>	<b>268</b>	<b>35.952.398.361</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>30.281.746.387</b>	<b>533.383.944</b>	<b>119.993.982</b>	<b>1.017.462</b>	<b>0</b>	<b>30.936.141.775</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 63.214.398.734 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 38.184.355.474 VND và 14.263.743.524 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>19.418.410.399</i>	<i>110.785.000</i>	<i>19.529.195.399</i>
- Mua trong năm	0	33.939.000	33.939.000
- Phân loại lại	15.000.000	(15.000.000)	0
- Giảm khác	(19.433.410.399)	(40.785.000)	(19.474.195.399)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>0</i>	<i>88.939.000</i>	<i>88.939.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.257.542.298</i>	<i>100.923.898</i>	<i>3.358.466.196</i>
- Khấu hao trong năm	206.191.488	6.599.250	212.790.738
- Phân loại lại	5.138.898	(5.138.898)	0
- Giảm khác	(3.468.872.684)	(40.785.000)	(3.509.657.684)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>0</i>	<i>61.599.250</i>	<i>61.599.250</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>16.160.868.101</i>	<i>9.861.102</i>	<i>16.170.729.203</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>0</i>	<i>27.339.750</i>	<i>27.339.750</i>

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	145.359.107.094	194.109.972.479
<b>Cộng</b>	<b>145.359.107.094</b>	<b>194.109.972.479</b>

**10. Đầu tư vào Công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 (*)	1.083.333	16.249.995.000	1.083.333	16.249.995.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 (**)	655.602	16.372.847.976	0	0
<b>Cộng</b>		<b>32.622.842.976</b>		<b>16.249.995.000</b>

(\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 với tỷ lệ sở hữu vốn là 54,17%.

(\*\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 với tỷ lệ sở hữu vốn là 68,11%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				
- Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại (PPC)	0	0	16.000	784.016.613
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Chứng chỉ quỹ cân bằng Prudential (PRUBF1)	0	0	18.000	207.800.000
- Chứng chỉ Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	0	0	16.000	510.500.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
- Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất dầu khí (DPM)	0	0	2.000	181.000.000
- Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội (HAS)	0	0	5.000	89.500.000
- Công ty Cổ phần Cáp và vật liệu Viễn thông (SAM)	0	0	53.000	888.350.000
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn sông Hinh (VSH)	0	0	15.750	424.300.000
<b>Cộng</b>		<b>1.073.530</b>		<b>3.086.540.143</b>

**12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>	<i>(792.730)</i>	<i>(1.938.774.943)</i>
+ Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại (PPC)	0	(593.616.613)
+ Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	(501.400)	(458.200)
+ Chứng chỉ quỹ cân bằng Prudential (PRUBF1)	0	(74.600.000)
+ Chứng chỉ Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	0	(337.700.000)
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(291.330)	(275.130)
+ Công ty CP Phân đạm và hóa chất dầu khí (DPM)	0	(109.400.000)
+ Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội (HAS)	0	(64.500.000)
+ Công ty CP Cáp và vật liệu Viễn thông (SAM)	0	(496.150.000)
+ Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn sông Hinh (VSH)	0	(262.075.000)
<b>Cộng</b>	<b>(792.730)</b>	<b>(1.938.774.943)</b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	334.457.504	1.562.405.082
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	15.758.346.227	0
- Chi phí trả trước dài hạn khác	937.180.738	1.052.231.758
<b>Cộng</b>	<b>17.029.984.469</b>	<b>2.614.636.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>83.436.734.974</b>	<b>185.410.561.372</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>83.436.734.974</i>	<i>185.410.561.372</i>
+ Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam (i)	63.304.881.963	59.277.005.880
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (ii)	20.131.853.011	126.133.555.492
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>0</b>	<b>22.887.854.483</b>
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>0</i>	<i>22.887.854.483</i>
+ Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam	0	22.887.854.483
<b>Cộng</b>	<b><u>83.436.734.974</u></b>	<b><u>208.298.415.855</u></b>

(i): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.

(ii): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 9,5%/năm đến 10%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	2.357.769.080	5.406.160.979
- Thuế thu nhập cá nhân	12.721.611	0
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	2.540.203.166
<b>Cộng</b>	<b><u>2.370.490.691</u></b>	<b><u>7.946.364.145</u></b>

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	1.377.504.392	714.523.699
- Chi phí vận chuyển	0	129.886.364
- Khác	1.039.525.000	26.425.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.417.029.392</u></b>	<b><u>870.835.063</u></b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	3.511.744.419	3.163.456.609
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp	63.034.583	457.150
- Phải trả về cổ phần hóa	0	10.400.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.108.000.000	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.519.830.822	882.699.539
<b>Cộng</b>	<b><u>6.202.609.824</u></b>	<b><u>5.165.013.298</u></b>

**18. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.600.000.000	7.650.000.000
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	0
<b>Cộng</b>	<b><u>7.610.400.000</u></b>	<b><u>7.650.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.385.000.000</i>	<i>1.385.000.000</i>
- Nợ dài hạn khác	1.385.000.000	1.385.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.385.000.000</u></b>	<b><u>1.385.000.000</u></b>

**20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	0	407.781.927
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	0	(14.745.777)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>393.036.150</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>405.478.562</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>10.621.382.039</b>	<b>12.593.183.473</b>	<b>324.307.750.362</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	406.283.150	406.283.150
Phân phối lợi nhuận	0	0	77.747.825	0	0	46.648.695	(171.045.215)	(46.648.695)
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	(10.668.030.734)	0	(10.668.030.734)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>0</b>	<b>12.828.421.408</b>	<b>313.999.354.083</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>0</b>	<b>12.828.421.408</b>	<b>313.999.354.083</b>
Tăng vốn trong năm	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm	0	0	0	0	0	0	4.067.076.744	4.067.076.744
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm vốn trong năm	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>0</b>	<b>16.895.498.152</b>	<b>318.066.430.827</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	61.280.620.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	223.221.740.000	223.221.740.000
<b>Cộng</b>	<b><u>284.502.360.000</u></b>	<b><u>284.502.360.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	284.502.360.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.450.236	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.450.236	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.450.236	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.040.536	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.040.536	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng (*)	492.711.471.394	523.958.969.415
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.375.373	0
<b>Cộng</b>	<b><u>492.733.846.767</u></b>	<b><u>523.958.969.415</u></b>

**(\*): Bao gồm**

	<u>Năm nay</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	1.853.926.073
- Doanh thu bán thành phẩm	490.857.545.321
<b>Cộng</b>	<b><u>492.711.471.394</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	0	662.727.275
- Giảm giá hàng bán	386.818.178	0
- Hàng bán bị trả lại	44.384.545.453	92.877.200.903
<b>Cộng</b>	<b><u>44.771.363.631</u></b>	<b><u>93.539.928.178</u></b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và thành phẩm (*)	447.940.107.763	430.419.041.237
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22.375.373	0
<b>Cộng</b>	<b><u>447.962.483.136</u></b>	<b><u>430.419.041.237</u></b>

**(\*): Bao gồm**

	<u>Năm nay</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.853.926.073
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	446.086.181.690
<b>Cộng</b>	<b><u>447.940.107.763</u></b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	0	0
- Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán (*)	398.264.842.625	388.010.443.799
<b>Cộng</b>	<b><u>398.264.842.625</u></b>	<b><u>388.010.443.799</u></b>

**(\*): Bao gồm**

	<u>Năm nay</u>
- Giá vốn hàng hóa	1.548.973.086
- Giá vốn thành phẩm	396.715.869.539
<b>Cộng</b>	<b><u>398.264.842.625</u></b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.727.754.401	1.122.538.825
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	866.684.400	1.316.456.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.494.273	93.379.526
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	231.566.972	269.546.297
- Lãi tương ứng với tiền thuê đất trả trước được tỉnh Hưng Yên hoàn trả do không thực hiện hợp đồng thuê đất	6.892.298.309	0
<b>Cộng</b>	<b><u>9.726.798.355</u></b>	<b><u>2.801.921.448</u></b>



20  
H  
NH  
V  
TC  
DÁ  
T  
P

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	8.454.240.800	8.682.462.738
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	776.081.279	2.904.160.770
- Lỗ do bán chứng khoán	1.690.265.613	0
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	818.056.277	4.946.818.631
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.934.398	0
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.937.982.213)	(406.862.400)
- Chi phí tài chính khác	3.488.004	0
<b>Cộng</b>	<b><u>9.850.084.158</u></b>	<b><u>16.126.579.739</u></b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.113.008.340	0
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>1.113.008.340</u></b>	<b><u>0</u></b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	(14.745.777)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(393.036.150)	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>(393.036.150)</u></b>	<b><u>(14.745.777)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	367.583.502.387	286.564.020.809
- Chi phí nhân công	25.357.934.820	14.111.773.438
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.094.200.700	6.794.398.961
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.814.529.380	13.106.097.079
- Chi phí khác bằng tiền	6.848.780.621	310.847.445
<b>Cộng</b>	<b>433.698.947.908</b>	<b>320.887.137.732</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay
<b>Hội đồng quản trị</b>	
- Lãi cho vay	481.299.248

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Hội đồng quản trị</b>		
+ Lãi vay phải thu	0	69.198.387
+ Gốc vay phải thu	0	5.800.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>0</b>	<b>5.869.198.387</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.272.296.900	1.097.138.400
Phụ cấp	490.289.000	408.269.400
Tiền thưởng	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.762.585.900</b>	<b>1.505.407.800</b>

**02. Thông tin về bộ phận****Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong năm là sản xuất, lắp ráp ô tô.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.627.433.510	10.700.257.934	21.627.433.510	10.700.257.934
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.929.181.066	93.028.656.239	15.571.358.442	92.713.248.758
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.545.497.000	0	14.545.497.000	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	19.336.535.143	280.800	19.336.535.143
<b>Cộng</b>	<b>52.103.185.106</b>	<b>123.065.449.316</b>	<b>51.744.569.752</b>	<b>122.750.041.835</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	60.843.087.076	35.371.356.579	60.843.087.076	35.371.356.579
Vay và nợ	84.821.734.974	208.298.415.855	84.821.734.974	208.298.415.855
Chi phí phải trả	2.417.029.392	870.835.063	2.417.029.392	870.835.063
Các khoản phải trả khác	10.238.230.822	2.001.099.539	10.238.230.822	2.001.099.539
<b>Cộng</b>	<b>158.320.082.264</b>	<b>246.541.707.036</b>	<b>158.320.082.264</b>	<b>246.541.707.036</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

**04. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
<b>Số cuối năm</b>	
Nhà cửa vật kiến trúc	14.237.002.762
Máy móc thiết bị	0
Phương tiện vận tải	26.740.762
Thiết bị, dụng cụ quản lý	0
<b>Cộng</b>	<b>14.263.743.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2013.

**05. Rủi ro thanh khoản**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	60.843.087.076	0	0	60.843.087.076
Vay và nợ	83.436.734.974	1.385.000.000	0	84.821.734.974
Chi phí phải trả	2.417.029.392	0	0	2.417.029.392
Các khoản phải trả khác	2.627.830.822	7.610.400.000	0	10.238.230.822
<b>Cộng</b>	<b>149.324.682.264</b>	<b>8.995.400.000</b>	<b>0</b>	<b>158.320.082.264</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	35.371.356.579	0	0	35.371.356.579
Vay và nợ	208.298.415.855	1.385.000.000	0	209.683.415.855
Chi phí phải trả	870.835.063	0	0	870.835.063
Các khoản phải trả khác	2.001.099.539	7.650.000.000	0	9.651.099.539
<b>Cộng</b>	<b>246.541.707.036</b>	<b>9.035.000.000</b>	<b>0</b>	<b>255.576.707.036</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

**Người lập biểu**

**Tạ Thu Thủy**

**Kế toán trưởng**

**Đào Tiến Thành**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

